

Biện pháp nâng cao kỹ năng đọc thành tiếng cho học sinh lớp 2 dân tộc Raglai ở Trường Tiểu học Phước Bình A, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận

Huỳnh Thị Như Huyền*

*ThS. Trường Đại học Phú Yên

Received: 6/5/2024; Accepted: 14/5/2024; Published: 21/5/2024

Abstract: Nâng cao kỹ năng đọc thành tiếng cho học sinh lớp 2 người dân tộc thiểu số là vấn đề cấp thiết nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 hiện nay. Trong bài báo “Biện pháp nâng cao kỹ năng đọc thành tiếng cho HS lớp 2 dân tộc Raglai, Trường Tiểu học Phước Bình A, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận”, tôi thực hiện khảo sát thực trạng về kỹ năng đọc thành tiếng của học sinh. Từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm từng bước hạn chế được các lỗi về kỹ năng đọc thành tiếng của các em.

Keywords: Học sinh dân tộc thiểu số, tiểu học, kỹ năng đọc thành tiếng, biện pháp.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục ngôn ngữ ở các địa phương miền núi luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, dạy học tiếng Việt (TV) cho học sinh (HS) tiểu học người dân tộc thiểu số (DTTS) luôn là nhiệm vụ hàng đầu của những người đang giảng dạy tại nơi đây. Mục đích của việc rèn kỹ năng đọc (KNĐ) này là nhằm cải thiện kỹ năng phát âm TV chuẩn, KNĐ hiểu bằng TV, qua đó cung cấp cho HS một công cụ giao tiếp, một phương tiện tư duy, nhanh chóng hòa nhập cộng đồng, cùng sử dụng một ngôn ngữ. Thế nhưng, xét về mặt chất lượng thì việc rèn KNĐ cho HS là người DTTS còn hạn chế, chưa mang lại hiệu quả như mong đợi. Vì vậy tôi đã chọn nghiên cứu đề tài: “Biện pháp nâng cao KNĐ thành tiếng cho HS lớp 2 dân tộc Raglai, Trường Tiểu học Phước Bình A, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng KNĐ thành tiếng của HS lớp 2 dân tộc Raglai ở Trường Tiểu học Phước Bình A, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận

Đặc điểm ngôn ngữ giao tiếp tiếng mẹ đẻ (TMĐ) của DTTS Raglai khác biệt hoàn toàn với ngôn ngữ phổ thông từ hệ thống âm vần, thanh điệu đến ngữ điệu... Chính sự khác biệt này dẫn đến hệ lụy trong KNĐ thành tiếng của HS lớp 2 dân tộc Raglai như sau: Tỷ lệ HS biết đọc trôi chảy một bài văn chiếm 26,47%, trong khi đó tỷ lệ HS đọc không trôi chảy (đọc còn vấp, đánh vần) chiếm tới 73,53%, còn tỷ lệ HS biết đọc diễn cảm không chiếm tỉ lệ phần trăm nào.

Để nắm được trình độ đọc thành tiếng của HS ở mức độ nào tôi tiến hành khảo sát thực trạng về lỗi

đọc thành tiếng mà học sinh dân tộc (HSĐT) Raglai hiện đang mắc phải trong phân môn Tập đọc lớp 2 như sau:

- Có 34 em phát âm (nói, đọc) sai các phụ âm đầu: tr thành ch, s thành x; nguyên âm uô, ô thành âm u; phụ âm cuối: t thành c, ng thành n...

Ví dụ: “*Khuôn mặt trắng trẻo của em*” đọc thành “*Khun mặt chắng chẻo của em*”; hay các em đọc lẫn lộn các phụ âm cuối như câu “*Tiếng đàn bà ra vườn*” đọc thành “*Tiến đàn bay ra vườn*”.

- Có 25 em đọc ê a, ngắt ngữ, tức là đọc rời vụn ra từng tiếng, từng từ, đọc từng con chữ, từng chữ rời rạc, còn phải đánh vần và đọc chậm. Số HS mắc lỗi này chiếm tỉ lệ lớn trong lớp.

Ví dụ: “*Vài cánh ngọc lan/ êm ái rụng xuống nền đất mát rượi.// Dưới đường,/ lũ trẻ/ đang rú nhau thả những chiếc thuyền gấp bằng giấy/ trên những vũng nước mưa.//*” đọc thành “*Vài cánh ngọt/ lan/ êm/ ái/ rụng xuống/ nền/ đất mát/ rượi. Dới đường,/ lũ chẻ/ rú/ nhau thả những/ chiếc/ thuyền/ gấp bằng/ giấy chên/ những/ vũng nước/ mưa.//*”

- Có 25 em đọc phát âm sai thanh điệu, tức là các em đọc bỏ dấu thanh hoặc thêm dấu thanh vào các tiếng, từ có trong câu. TV có 6 thanh, mỗi thanh điệu đều có thể tham gia vào cấu tạo từ và tạo nghĩa cho từ. Trong khi đó ngôn ngữ TMĐ của dân tộc Raglai lại không có thanh điệu, nên khi đọc cả bài Tập đọc, các em đọc sai từ đầu đến hết bài. Loại lỗi này phổ biến nhiều nhất ở HS lớp 2 dân tộc Raglai chiếm gần 80%.

Ví dụ: “*thênh thang*” đọc thành “*thệnh thàng*”, “*học hành*” đọc thành “*hóc hành*”, “*thăm thía*” đọc thành “*thầm thía*”,...

Với kết quả khảo sát như trên, tôi cho rằng KNĐ thành tiếng của HS lớp 2 dân tộc Raglai còn rất thấp điều này đã gây khó khăn trong hoạt động dạy học của giáo viên (GV) và HS trong phân môn Tập đọc lớp 2.

2.2. Nguyên nhân của thực trạng KNĐ thành tiếng HS lớp 2 dân tộc Raglai Trường Tiểu học Phước Bình A

Từ việc thu thập và phân tích kết quả khảo sát thực trạng tôi nhận thấy KNĐ thành tiếng của HS lớp 2 dân tộc Raglai kém là từ các nguyên nhân sau:

- *Do môi trường sử dụng tiếng Việt:* HSDT Raglai được sinh ra và lớn lên ở những bản làng, nơi quản tụ chính của dân tộc mình. Họ sử dụng tiếng mẹ đẻ (TMĐ) là ngôn ngữ để sinh hoạt hằng ngày. Với vốn từ TV không nhiều, môi trường học TV, môi trường giao tiếp bằng TV bị hạn chế nên việc học đọc gặp nhiều khó khăn.

- *Do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ:* Ngôn ngữ của dân tộc Raglai không có thanh điệu nên khi đọc TV các em thường bỏ thanh điệu hoặc đọc không đúng thanh điệu. Cách phát âm TMĐ đã trở thành thói quen với HS. Khi học một ngôn ngữ mới, các em rất khó làm quen với các thao tác phát âm mới, nhất là với những âm khó, những âm không có trong TMĐ của mình. Bởi vậy, nhiều em đã được học TV lâu năm nhưng khi nói TV vẫn còn dấu ấn của TMĐ trong âm sắc, ngữ điệu,...

- *Do phương pháp giảng dạy:* GV chưa linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp rèn KNĐ cho HS người dân tộc Raglai, đọc mẫu chưa được tốt, thiếu tác dụng đọc mẫu và chưa kích thích được HS đọc theo. Cách phát âm của GV tại vùng sẽ không chuẩn so với một số GV tại vùng khác.

2.3. Một số biện pháp rèn KNĐ thành tiếng cho HS lớp 2 dân tộc Raglai, Trường Tiểu học Phước Bình A, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận

2.3.1. Sử dụng biện pháp luyện tập theo mẫu

Khi dạy HSDT Raglai học đọc, nhất là HS lớp 2, do vốn TV không có, các cấu tạo âm tiết TV lại khác hoàn toàn so với TMĐ, dẫn đến khả năng cảm âm yếu, làm cho kỹ năng nghe và phát âm của các em bị hạn chế. Để khắc phục hạn chế này, GV cần hướng dẫn HS luyện phát âm theo mẫu một cách thường xuyên, từng bước rèn cho HS KNĐ đúng từng phụ âm, âm tiết, từng tiếng, từng từ...sau đó mới đi rèn KNĐ diễn cảm và KNĐ hiểu.

Vi dụ: Để khắc phục lỗi phát âm các phụ âm “ch” và “tr”, phần vần “uô”, “ô” và “ung” trong bài thơ “Cánh đồng quê em” (TV 2, tập 2, trang 129) tôi

thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1: Tôi ghi hai tiếng có phụ âm đầu bằng “ch” trong từ “chiến chiến, châu châu” và “tr” trong từ “trái lên, tranh vẽ” lên bảng, gọi một HS đọc, chỉ ra lỗi sai và so sánh lại cách đọc đúng của hai phụ âm đầu này.

Bước 2: Sau đó tôi phát âm từ 2-3 lần (phát âm chậm, rõ ràng và hướng miệng về phía HS).

Bước 3: Cho HS phát âm lại nhiều lần (cá nhân phát âm sai và cho đọc tập thể).

Bước 4: Quan sát, theo dõi từng HS phát âm và sửa lỗi phát âm cho từng HS phát âm còn sai.

Trong quá trình rèn KNĐ đúng, các em chỉ biết đọc liền một mạch (đọc liến thoắng), không chú ý đến các dấu thanh (thêm hoặc bớt dấu thanh). Tệ hơn nữa là các em không nhận ra lỗi sai của mình.

Để khắc phục tình trạng đọc thêm hoặc bớt dấu thanh của HSDT Raglai lớp 2, tôi dùng bảng phụ ghi sẵn khổ thơ và tiến hành đọc mẫu (GV đọc chậm rãi, chuẩn và rõ ràng từng thanh điệu có trong khổ thơ), đồng thời tôi cho HS đọc nhẩm theo. Khi đọc xong, GV sẽ mời từ 2 - 3 HS đọc lại khổ thơ.

Khi HS đọc, GV theo dõi và gạch dưới bảng phụ những từ ngữ mà HS hay đọc sai và tiến hành sửa ngay từng câu, từng tiếng cho HS.

Khi dạy HS luyện tập phát âm theo mẫu, GV không nên sử dụng quá nhiều việc sử dụng bảng hình, bảng tiếng giúp cho HS quan sát, ghi nhớ cách phát âm chuẩn mà GV vẫn phải phân tích, giảng giải, hướng dẫn cụ thể các thao tác phát âm để giúp HS sửa lỗi.

2.3.2. Sử dụng biện pháp quan sát và giải thích cách phát âm

Đối với HS là người DTTS Raglai khi tiến hành sửa lỗi phát âm mà chỉ vận dụng mỗi phương pháp luyện tập theo mẫu thì sẽ không đạt được hiệu quả 100%, bởi do đặc điểm cấu âm có trong TMĐ của HSDT Raglai khác hoàn toàn với TV, nên khi chỉ vận dụng phương pháp luyện tập theo mẫu để khắc phục thì sẽ không đủ. Vì vậy, GV cần đưa vào phương pháp quan sát và giải thích cách phát âm để tiến hành sửa lỗi phát âm cho HS, đồng thời kết hợp linh hoạt với phương pháp luyện tập theo mẫu để rèn cho HS đọc từng tiếng, từng từ đúng có trong bài đọc.

Vi dụ: Trong bài “Cánh đồng quê em” (TV 2, tập 2, trang 129) ở hai khổ thơ cuối của bài thơ có các tiếng, từ HS hay phát âm sai.

Nắng ban mai hiền hòa
Tung lụa tơ vàng óng
Trái lên muôn con sóng

Đàn chiến chiến bay quanh

Hót tích ri tích rích

Lũ châu châu tinh nghịch

Đu cô uổng sưng roi.

Khi HS đọc hai khổ thơ trong bài thường mắc các lỗi phát âm đặc trưng của HSĐT Raglai như phát âm sai âm “ô” trong từ “*cánh đồng*” thành âm “u” tức là đọc thành “*cánh đùng*” hoặc vần “*uô*” trong từ “*muôn*” thành vần “u” tức đọc thành “*mun*”.

Để khắc phục các lỗi phát âm này, tôi tiến hành vận dụng biện pháp quan sát và giải thích cách phát âm như sau:

Mục đích phần rèn đọc của bài “*Cánh đồng quê em*” (TV2, tập 2, trang 129), tôi tập trung rèn KNĐ đúng những tiếng có phụ âm đầu s/x, tr/ch, âm ô, hoặc ô.

Bước 1: Tôi chỉ ra nguyên nhân phát âm sai phụ âm đầu “s” thành “x”; “tr” thành “ch”; âm “uô”, “ô” thành âm “u” của HS bằng cách chỉ ra cách sử dụng các bộ phận phát âm không đúng của HS.

Bước 2: Tiến hành giải thích cách cấu âm, vị trí các bộ phận của cơ quan phát âm “s”, “tr”, “uô”, “ô”, :

- Khi phát âm “s”: đầu lưỡi cong lên chạm ngạc cứng. Lúc này miệng hơi mở, luồng hơi từ họng đi qua hai bên lưỡi.

- Khi phát âm âm “tr”, cong đầu lưỡi lên chạm vào vòm miệng, luồng hơi bật ra tương đối mạnh, miệng mở.

- Khi phát âm “ô”, “uô”: dáng môi tròn độ mở vừa phải.

Bước 3: GV làm mẫu hai đến ba lần cách phát âm “s”, “tr”, “uô”, “ô”, sau đó cho HS khá giỏi phát âm, và gọi HS hay phát âm nhầm lẫn về phụ âm này tập phát âm lại nhiều lần sửa sai cho HS.

Bước 4: Cho HS đọc lại các tiếng, từ đọc sai nhiều lần theo đọc mẫu của GV.

Để thực hiện có hiệu quả phương pháp này, GV cần mô tả cách phát âm thật ngắn gọn, dễ hiểu. Do vốn từ TV của HS còn hạn chế, vì thế tôi kết hợp mô tả bằng động tác và tranh minh họa các bộ phận phát âm cho HS cùng quan sát và thực hiện.

2.3.3. Sử dụng trò chơi trong rèn kỹ năng phát âm

Sử dụng phương pháp trò chơi trong rèn kỹ năng phát âm cho HSĐT Raglai là biện pháp đem lại nhiều hiệu quả nhất định. HS yêu thích, có hứng thú học thì vốn kiến thức mà GV truyền đạt mới được các em tiếp thu và vận dụng có hiệu quả. GV cũng cần linh hoạt khi lựa chọn các trò chơi trong tiết học, đảm bảo thời gian trò chơi và cách thức tiến hành trò chơi.

Ví dụ: Trong bài “*Cánh đồng quê em*” (TV2, tập 2, trang 129) để rèn kỹ năng phát âm cho HS, tôi tổ chức trò chơi “*Hái hoa luyện phát âm*”.

*Mục tiêu: Giúp HS luyện cách phát âm đúng, biết ngắt, nghỉ hơi đúng dấu câu.

*Chuẩn bị: GV chuẩn bị một cây xanh có gắn các bông hoa giấy. Trong mỗi bông hoa có sẵn một phiếu ghi một khổ thơ có chứa các phụ âm, phần vần, dấu thanh HS phát âm sai.

*Cách thực hiện:

- Bước 1: GV cho HS lên hái hoa và lấy phiếu, GV đọc yêu cầu của phiếu.

- Bước 2: HS đọc bài trong phiếu trong vòng 2 phút

- Bước 3: GV và HS dưới lớp phát hiện, sửa lỗi phát âm, nhận xét và đánh giá.

- Bước 4: GV tuyên dương bạn đọc đúng, hay.

Khi vận dụng trò chơi, tôi luôn hướng trò chơi vào củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng. Trò chơi phải đa dạng, phong phú, giúp cho HS luôn được thay đổi các thức hoạt động trong lớp. Điều kiện tổ chức trò chơi cần đơn giản, dễ làm và dễ thực hiện.

3. Kết luận

Tim hiểu, nghiên cứu về thực trạng dạy và học KNĐ thành tiếng cho HS lớp 2 dân tộc Raglai Trường Tiểu học Phước Bình A là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay đang thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Vấn đề đặt ra là phải tìm những phương pháp dạy học phù hợp để rèn KNĐ cho HS lớp 2 dân tộc Raglai có hiệu quả. Bước đầu tôi đã đề xuất và áp dụng một số biện pháp rèn KNĐ thành tiếng đặc trưng phù hợp với đặc điểm của HSĐT thiểu số. Kết quả nghiên cứu mang tính khả thi, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HS trong quá trình rèn KNĐ.

Tài liệu tham khảo

[1]. Lê A, Mông Kỳ Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc (1993), *Phương pháp dạy Tiếng Việt cho HSĐT ở trường tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thúy Hồng, Nguyễn Thị Phương Thảo, Đặng Văn Bình, Tài liệu tập huấn *Phương pháp dạy học Tiếng Việt như là ngôn ngữ thứ hai cho HSĐT thiểu số cấp tiểu học* (Dùng cho giảng viên, sinh viên khoa Giáo dục Tiểu học thuộc các cơ sở đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học vùng dân tộc thiểu số), NXB Giáo dục Việt Nam.

[3]. Hà Nguyễn Kim Giang (2007), *Phương pháp đọc diễn cảm*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

[4]. Nhiều tác giả (2020), *Sách Tiếng Việt 2* (Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam.

[5]. Lê Phương Nga (2001), *Dạy học tập đọc ở Tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.